

Bản án số: 47/2018/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trường.

Ông Ninh Ngọc Tú.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Phương Thảo – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1986 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Y, sinh năm 1962 và bà Chu Thị G, sinh năm 1963; có vợ Lục Thị Th, sinh năm 1987 và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự không có; nhân thân tốt; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị L – Cộng tác viên, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị hại: Anh Chu Văn T, sinh năm 1966 (đã chết). Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Đào Thị Th, sinh năm 1960. Nơi

cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn – Là vợ ông Chu Văn T. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Hoàng Văn L – Cộng tác viên, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Triệu Văn D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Tô Minh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T có giấy phép lái xe hạng A1 có giá trị không thời hạn, tối ngày 11 tháng 02 năm 2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 178.64 chở cậu ruột là Chu Văn T, sinh năm 1966, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đến nhà chị Chu Thị L ở cùng thôn ăn cơm uống rượu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm uống rượu xong, Trần Văn T lại điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 178.64 chở Chu Văn T đi về, Trần Văn T điều khiển xe đi bên phải đường liên thôn theo hướng từ thôn H, xã Y về thôn Đ, xã Q, lúc đó Triệu Văn D, sinh năm 1988 trú cùng thôn cũng đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 236.07 đi hướng ngược chiều. Khi đến gần ngã ba đường rẽ về nhà Chu Văn T ở bên trái theo hướng đi của Trần Văn T, Trần Văn T thấy ánh đèn xe mô tô do Triệu Văn D điều khiển đi bên trái đường theo chiều ngược lại cách xe Trần Văn T khoảng 06m đến 07m, Trần Văn T cho rằng vẫn kịp qua đường nên đã điều khiển xe chuyển hướng sang trái để rẽ vào đường về nhà Chu Văn T đồng thời bật đèn tín hiệu xin chuyển hướng, khi Trần Văn T vừa điều khiển xe sang đến phần đường bên trái thì gây tai nạn với xe mô tô do Triệu Văn D điều khiển. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn là do Trần Văn T khi đã sử dụng rượu vẫn điều khiển xe tham gia giao thông và không tuân thủ quy định về an toàn giao thông đường bộ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, chuyển hướng xe khi không đảm bảo an toàn. Hậu quả làm Chu Văn T tử vong tại chỗ, Trần Văn T và Triệu Văn D bị thương, 02 phương tiện bị hư hỏng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường xác định đoạn đường xảy ra tai nạn là đường thẳng không bị che khuất tầm nhìn, mặt đường bằng đất rộng 3,60m, theo hướng từ thôn T, xã Q đi thôn H, xã Y lề đường bên phải rộng 01m, lề đường bên trái rộng 0,80m, tại ngã ba giao nhau với mặt đường tiếp tuyến rộng 4,30m; Vị trí xảy ra tai nạn trên mép đường bên phải theo hướng từ thôn T, xã Q đi thôn H, xã Y.

Xe mô tô BKS 12H1 – 178.64 nằm đổ bên trái xuống mặt đường, giá đỡ chân trước bên trái trùng với cuối vết 02, đầu xe hướng lề đường bên phải, đuôi xe hướng vào tim đường, bánh trước nằm trên lề cỏ, tâm trục bánh trước cách mép đường bên phải 0,60m, tâm trục bánh sau cách 0,70m.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi và bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 3400/18/GDPY ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Trung tâm pháp Y tỉnh Bắc Giang kết luận tử thi là Chu Văn T, nguyên nhân chết do đa chấn thương.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện và bản giám định kỹ thuật xác định các hư hỏng và dấu vết do tai nạn để lại trên xe mô tô BKS 12H1 -178.64. Trước khi tai nạn các hệ thống an toàn của xe đầy đủ hoạt động bình thường; xe mô tô BKS 12H1 – 236.07 bị hỏng, trước khi tai nạn các hệ thống an toàn của xe đầy đủ hoạt động bình thường.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn hồi 23 giờ 14 phút ngày 11 tháng 02 năm 2018, nồng độ cồn trong hơi thở Triệu Văn D là 0,487 mg/lít khí thở.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn hồi 23 giờ 17 phút ngày 11 tháng 02 năm 2018, nồng độ cồn trong hơi thở Trần Văn T là 0,402 mg/lít khí thở.

Tại bản kết luận giám định thương tích số 8133/18/TgT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận Triệu Văn D bị tổn thương cơ thể là 07%.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 20 tháng 3 năm 2018 kết luận xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 236.07 bị hư hỏng các bộ phận thiệt hại là 2.830.000 đồng.

Về vật chứng đã tạm giữ, quá trình điều tra làm rõ: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 236.07 là của anh Triệu Văn B cho Triệu Văn D mượn, ngày 16 tháng 4 năm 2018 cơ quan điều tra đã trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 236.07 và giấy tờ xe cho anh Triệu Văn B là chủ sở hữu và trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1 – 178.64 và giấy tờ xe cho Trần Văn T. Hiện còn tạm giữ giấy phép lái xe của Triệu Văn D và Trần Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo Trần Văn T đã bồi thường tổn thất cho gia đình bị hại Chu Văn T số tiền 30.000.000 đồng, Triệu Văn D cũng đã bồi thường cho gia đình Chu Văn T số tiền 24.000.000 đồng. Đại diện gia đình bị hại Chu Văn T không còn có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn T. Anh Triệu Văn D không yêu cầu bị cáo Trần Văn T phải bồi thường thương tích và tiền sửa xe mô tô bị hỏng.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSHL-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khẳng định bị cáo bị truy tố, xét xử về tội Vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ là đúng, không oan. Ngoài ra bị cáo còn nộp đơn xin miễn giảm án phí hình sự sơ thẩm tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, nguyên nhân, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị trả lại 01 giấy phép lái xe số 203649 mang tên Trần Văn T cho bị cáo Trần Văn T; 01 giấy phép lái xe số 240131000407 mang tên Triệu Văn D cho anh Triệu Văn D.

Phản tranh luận: Bà Lê Thị L - Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T và ông Hoàng Văn L – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại đều nhất trí về hành vi, về tội danh, về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Trần Văn T và cùng có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo. Bà Hoàng Tô Minh H - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Triệu Văn D nhất trí như Kiểm sát viên đã đề nghị.

Kiểm sát viên đối đáp ý kiến của bà Lê Thị L và ông Hoàng Văn L: Hành vi của bị cáo Trần Văn T phạm vào tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, do đó để vừa đảm bảo tính răn đe vừa giáo dục cho chính bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, Kiểm sát viên giữ nguyên mức hình phạt như đã đề nghị đối với bị cáo.

Ngoài ra, không ai bổ sung ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Trần Văn T xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cụ thể: Trần Văn T có giấy phép lái xe theo quy định nhưng khoảng 21 giờ ngày 11 tháng 02 năm 2018, sau khi đã sử dụng rượu Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12 H1 – 178.64 chở sau là anh Chu Văn T đi theo đường liên thôn H, xã Y về thôn Đ, xã Q, khi đến ngã ba đường rẽ về nhà anh Chu Văn T do không tuân thủ quy định về an toàn giao thông đường bộ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều và chuyển hướng khi chưa đảm bảo an toàn đã gây tai nạn với xe mô tô biển kiểm soát 12 H1 – 236.07 do anh Triệu Văn D điều khiển đi ngược chiều, gây hậu quả rất nghiêm trọng, làm anh Chu Văn T tử vong, anh Triệu Văn D bị tổn thương cơ thể 07 % và bị thiệt hại về tài sản là 2.830.000 đồng. Sau khi gây tai nạn cơ quan Công an kiểm tra nồng độ cồn đối với Trần Văn T cho kết quả là 0,402 miligam/01 lít khí thở. Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[2] Cáo trạng số: 48/CT-VKSHL-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn giao thông của địa phương. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi đã sử dụng rượu vượt quá quy định vẫn điều khiển xe tham gia giao thông và không tuân thủ quy định về an toàn giao thông đường bộ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, chuyển hướng xe khi không đảm bảo an toàn là vi phạm quy định Luật giao thông đường bộ nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục cho chính bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và được đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật nhà nước có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét bị cáo Trần Văn T tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà xét xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật đồng thời thể hiện sự khoan hồng của nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị hại Chu Văn T không còn có yêu cầu gì về dân sự. Anh Triệu Văn D không yêu cầu bị cáo Trần Văn T phải bồi thường thương tích và tiền sửa xe mô tô bị hỏng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với Triệu Văn D điều khiển xe tham gia giao thông khi trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định đã vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nhưng không phải là nguyên nhân dẫn đến tai nạn nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại các giấy tờ gồm 01 giấy phép lái xe số 203649 cho bị cáo Trần Văn T; 01 giấy phép lái xe số 240131000407 cho anh Triệu Văn D.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin miễn giảm án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo Trần Văn T.

[13] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27 tháng 6 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 giấy phép lái xe số 203649 mang tên Trần Văn T; anh Triệu Văn D 01 giấy phép lái xe số 240131000407 mang tên Triệu Văn D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền

